

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền
2. Ông Đặng Khải Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 596/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thy T, sinh năm: 1979

Địa chỉ thường trú: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt theo đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 05/12/2022)

2. Bị đơn: Ông Võ Duy H, sinh năm: 1981

Địa chỉ thường trú: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt theo đơn yêu cầu vắng mặt ngày 03/11/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 04/10/2022, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thy T trình bày: bà và ông Võ Duy H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01, đăng ký ngày 22/12/2005 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Định.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn nhiều

hơn từ năm 2013, nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng tư duy, suy nghĩ và khác biệt nhau về tính cách. Hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là từ đầu năm 2022, khi bà phát hiện mình bị bệnh K Tuyến Giáp, phải mổ và xạ trị, bà phải trải qua 2 lần cách ly vì xạ trị nhưng ông H không hề quan tâm, hỏi han, chăm sóc, mà còn ép bà bán nhà để lấy tiền đưa cho ông H trả nợ và đòi ly hôn với bà. Dù vẫn sống chung nhà, nhưng ông bà đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay.

Nay bà T xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thy T yêu cầu ly hôn với ông Võ Duy H.

- Về con chung: bà T trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Võ Minh K (nam) sinh ngày 22/10/2007 và Võ Minh K1 (nam) sinh ngày 19/10/2013, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đồng/trẻ.

- Về tài sản chung: bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà T khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Võ Duy H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng, ông H chỉ đến Tòa làm bản tự khai và làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai, ông H trình bày: sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của ông bà bình thường. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc làm ăn, mâu thuẫn về quản lý tiền bạc, ông H làm ăn thua lỗ, bà T bán đất nhưng không chịu đưa tiền bán đất cho ông H trả nợ, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, ông H không giữ được bình tĩnh nên đã có lời lẽ xúc phạm bà T dẫn đến bà T yêu cầu ly hôn. Nếu bà T cho ông H cơ hội, ông sẽ sửa đổi tính cách, chia sẻ công việc, bớt nóng nảy, sẽ phụ giúp bà chăm lo cho con cái, nhà cửa. Ông H không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H đồng ý cấp dưỡng cho mỗi trẻ 3.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Ông H trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H khai không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Võ Duy H, xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông H tại địa phương, nơi ông H và bà T sinh sống, thu thập nguyện vọng của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy

định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H; Về con chung: giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/trẻ; Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận; Nợ chung: không có; Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01, đăng ký ngày 22/12/2005 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Định thì bà Nguyễn Thị Thy T và ông Võ Duy H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T có đơn xin ly hôn với ông H cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà T thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng tư duy, suy nghĩ và khác biệt nhau về tính cách, đỉnh điểm là từ đầu năm 2022, khi bà bị bệnh K Tuyến Giáp phải cách ly để điều trị thì ông H lại không quan tâm, chăm sóc, còn gây áp lực cho bà, yêu cầu bà ly hôn. Bà T xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H. Tại bản tự khai của mình, ông H cũng xác định khoảng năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc làm ăn, mâu thuẫn về quản lý tiền bạc, ông H làm ăn thua lỗ, bà T bán đất nhưng không chịu đưa tiền bán đất cho ông H trả nợ, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, ông H không giữ được bình tĩnh nên đã có lời lẽ xúc phạm bà T dẫn đến bà T yêu cầu ly hôn.

Tòa án cũng đã triệu tập ông H đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên Tòa nhưng ông H đều vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của bà T và ông H thì giữa bà T và ông H đã không còn sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Khoảng thời gian năm 2022, bà T phải điều trị bệnh, cần có sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ của người chồng nhưng ông H đã không làm được việc đó, mà còn để cho gia đình xảy ra mâu thuẫn đến mức bà T phải yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai ông H có trình bày nếu được cho cơ hội sẽ sửa đổi tính cách, chia sẻ

công việc, phụ chăm lo con cái nhà cửa, nhưng khi Tòa án triệu tập cả ông H và bà T đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, thì ông H không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông H đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà T và ông H có 02 con chung tên Võ Minh K (nam) sinh ngày 22/10/2007 và Võ Minh K1 (nam) sinh ngày 19/10/2013, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/trẻ/tháng. Trong bản tự khai của mình, ông H đồng ý giao cả 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/trẻ/tháng nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cả 02 con chung của ông bà cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp ý kiến của các bên và với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thy T nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Võ Duy H nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thy T được ly hôn với ông Võ Duy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01, đăng ký ngày 22/12/2005 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Định không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông H có 02 con chung tên Võ Minh K (nam) sinh ngày 22/10/2007 và Võ Minh K1 (nam) sinh ngày 19/10/2013, giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/trẻ/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 4/2023.

Ông Võ Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Nguyễn Thị Thy T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông H đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thy T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012563 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Võ Duy H nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)
Cao Thị Hồng Nga

Bình Định;

- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.